TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 210/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 30-11-2022
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Văn Thị Vẹn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đào Việt Khái

Bà Nguyễn Kim Huệ

- Thư ký phiên tòa: Ông Châu Sơn Ca là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 30 tháng 11 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 319/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2022 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 525/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Đỗ Thị L, sinh năm 1966 (có mặt).

Cư trú tại: Ấp T, xã N, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn*: Ông La Văn T, sinh năm 1962 (có mặt).

Cư trú tại: Ấp T, xã N, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/9/2022, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, bà Đỗ Thị L trình bày: Bà và ông La Văn T chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1989, đến nay không đăng ký kết hôn tại Cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Trong quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, thường hay cự cải, khoảng 03 năm nay ông T thường hay ghen tuông và có hành vi xúc phạm, đánh đập bà. Do cuộc sống vợ chồng không còn hạnh

phúc, không thể đoàn tụ và tiếp tục chung sống nên bà yêu cầu ly hôn ông La Văn T.

Về con chung: Có 05 người con chung là La Chí Â, sinh năm 1991; La Mỹ D, sinh năm 1992; La Chí C, sinh năm 1996, La Diễm M, sinh năm 2002 và La Trí Th, sinh ngày 25/8/2004. Hiện các con đều đã trưởng thành, tự lao động sinh sống nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Ông La Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Ông thống nhất lời trình bày của bà L về thời gian ông và bà L chung sống với nhau như vợ chồng và không có đăng ký kết hôn tại Cơ quan có thẩm quyền. Mâu thuẫn vợ chồng đúng như bà L trình bày, ông có nghi ngờ, ghen tuông và đánh đập bà L, nay ông đồng ý ly hôn với bà L.

Về con chung: Đúng như bà L trình bày, ông và bà L có 05 người con chung hiện đã trưởng thành, tự lao động sinh sống, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Đỗ Thị L khởi kiện ông La Văn T yêu cầu ly hôn nên đây là vụ án hôn nhân và gia đình, về việc tranh chấp "ly hôn", bị đơn ông La Văn T cư trú tại ấp T, xã N, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân, bà Đỗ Thị L và ông La Văn T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1989 đến nay, nhưng không đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, nên quan hệ hôn nhân giữa bà Đỗ Thị L và ông La Văn T không được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Do đó không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Đỗ Thị L và ông La Văn T là đúng quy định tại điều 9 và 14 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung, bà Đỗ Thị L và ông La Văn T thống nhất trình bày có 05 người con chung, đều đã thành niên, tự lao động sinh sống, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[4] Bà Đỗ Thị L và ông La Văn T không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung, nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Bà Đỗ Thị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, bà L đã nộp tạm ứng xong, nay chuyển thu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng các điều 9 và 14 của Luật hôn nhân và gia đình;

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Đỗ Thị L và ông La Văn T là vợ chồng.

2. Về án phí: Bà Đỗ Thị L chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền số 0018223 ngày 04 tháng 10 năm 2022, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau, như vậy bà Đỗ Thị L không còn phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà Đỗ Thị L và ông La Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Phú TÂ;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Văn Thị Vẹn